

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NĂM CĂN
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 55/2023/DS-ST

Ngày: 18-8-2023

V/v tranh chấp “Hội”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Diệu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Kim Luyến.

Bà Tạ Huyền Thanh.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Thành Công là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Ngày 18 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 83/2023/TLST-DS ngày 08 tháng 6 năm 2023 về “Tranh chấp hội” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2023/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Tố N, sinh năm 1979 (có mặt).

Địa chỉ: Khóm 6, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Ông Trần Văn Đ, sinh năm 1977 và bà Phan Thị Thanh T, sinh năm 1982 (vợ ông Đ, bà T và ông Đ đều vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Khóm 7, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Nguyên đơn – Bà Nguyễn Thị Tố N trình bày:*

Bà Nguyễn Thị Tố N và bà Phan Thị Thanh T là đầu thảo, chủ hội ở địa phương, bà N và bà T mở nhiều dây hội và tham gia hội lẫn nhau. Khi mở hội, thì các bên đều có giao danh sách hội cho các hội viên, cụ thể:

Hội bà Phan Thị Thanh T mở:

Dây hội 10.000.000 đồng, mở ngày 14 tháng 10 năm 2020, gồm 29 chân; Bà N đã hốt hội, tính đến khi mãn hội là tháng 12/2022, bà N phải đóng hội chết là 20.000.000 đồng (02 kỳ)

Dây hội 1.000.000 đồng mở ngày 20 tháng 12 năm 2020, gồm 35 chân. Bà N đã hốt hội, tính đến ngày mãn hội là tháng 12/2022, bà N phải đóng hội chết là 10 kỳ bằng 10.000.000 đồng.

Hội do bà Nguyễn Thị Tổ N mở:

Dây hội mở ngày 20 tháng 11 năm 2020, loại hội 10.000.000 đồng, hội mỗi tháng khai 01 lần, gồm 24 chân; bà T tham gia 03 chân và đã hốt hội hết 03 chân (trong đó có 01 chân bà N giao với tổng số chân là 30). Đến ngày mãn hội, do có 01 chân hội bà N giao 30 chân nên còn lại 06 chân hội, bà T phải đóng cho bà N 60.000.000 đồng, bà T đã đóng được 20.000.000 đồng, còn nợ lại 40.000.000 đồng.

Dây hội mở ngày 01/3/2021, loại hội 3.000.000 đồng, gồm 25 chân; hội mỗi tháng khai 01 lần, bà T tham gia 03 chân và đã hốt hội hết 03 chân. Đến ngày 01/12/2022 còn lại 03 kỳ thì mãn hội, bà T phải đóng cho bà N 27.000.000 đồng, do có 01 chân hội khi bà T hốt thì bà N giao 30 chân nên khi mãn hội còn lại 05 kỳ hội, bà T phải đóng thêm cho bà N 15.000.000 đồng, tổng số tiền bà T phải đóng là 39.000.000 đồng.

Dây hội mở ngày 17/7/2021, loại hội 5.000.000 đồng, gồm 24 chân; hội mỗi tháng khai 01 lần, bà T tham gia 03 chân và đã hốt hội hết 03 chân. Đến ngày 01/12/2022 còn lại 06 kỳ thì mãn hội, bà T phải đóng thêm cho bà N 90.000.000 đồng.

Đến ngày 01/12/2022, bà T đóng cho bà N 10.000.000 đồng rồi lần tránh cho đến nay. Tổng số tiền bà T nợ bà N là 185.000.000 đồng, đối trừ số tiền bà N nợ bà T 30.000.000 đồng, còn lại 155.000.000 đồng.

Nay xét thấy quyền lợi bị xâm phạm nên bà N yêu cầu bà T và ông Trần Văn Đ (chồng bà T) phải thanh toán số tiền nợ hội là 155.000.000 đồng.

** Đối với bị đơn – Ông Trần Văn Đ và bà Phan Thị Thanh T.*

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, hết thời hạn theo quy định mà ông Trần Văn Đ và bà Phan Thị Thanh T không có văn bản trình bày ý kiến của mình về việc bà Nguyễn Thị Tổ N khởi kiện. Đồng thời, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ 02 lần thông báo về phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng ông Trần Văn Đ và bà Phan Thị Thanh T vẫn vắng mặt 02 lần không có lý do.

** Tại phiên tòa:*

Nguyên đơn – Nguyễn Thị Tổ N trình bày: Bảo lưu quan điểm nêu trên không có ý kiến khác.

Bị đơn – Ông Trần Văn Đ và bà Phan Thị Thanh T vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán khoản tiền nợ hui nên Hội đồng xét xử xác định đây là “Tranh chấp hui” quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471 của Bộ luật dân sự, vợ chồng ông Trần Văn Đ và bà Phan Thị Thanh T cùng cư trú tại khóm 7, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Trần Văn Đ và bà Phan Thị Thanh T đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Đ và bà T.

[2]. Về nội dung vụ án.

Bà Nguyễn Thị Tố N và bà Phan Thị Thanh T đều là đầu thảo, chủ hui ở địa phương, mở nhiều dây hui, loại hui có lãi, chủ hui được hưởng huê hồng, các bên tham gia hui lẫn nhau ở nhiều chân hui của nhiều dây hui khác nhau, đến nay các dây hui đều đã mãn. Quá trình giao dịch hui bà T và bà N đã hốt hui nhưng không đóng hui chết đầy đủ nên các bên xảy ra tranh chấp.

Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Tố N

Từ năm 2020 đến năm 2022, bà N tham gia 02 chân hui do bà T làm chủ hui, bà T tham gia 09 chân hui do bà N mở, quá trình giao dịch hui các bên có ký tên trong giấy giao nhận tiền hui, bà N còn nợ tiền hui bà T 30.000.000 đồng, bà T nợ bà N 185.000.000 đồng tiền hui chết. Đến ngày 07/6/2023, bà T và ông Trần Văn Đ xác nhận các kỳ hui của bà Phan Thanh T phải đóng Hui cho bà N là 155.000.000 đồng. Như vậy, việc giao dịch hui giữa bà Nguyễn Thị Tố N với vợ chồng bà Phan Thị Thanh T, ông Trần Văn Đ là thực tế có xảy ra.

Về trách nhiệm trả nợ:

Bà Nguyễn Thị Tố N khởi kiện buộc vợ chồng bà Phan Thị Thanh T, ông Trần Văn Đ thanh toán cho bà số tiền nợ hui là 155.000.000 đồng đồng vì quá trình giao dịch hui bà T vi phạm nghĩa vụ đóng hui chết. Đến ngày 07/6/2023, giữa các bên có gặp nhau để đối chiếu công nợ, bà T và ông Trần Văn Đ xác nhận các kỳ hui của bà Phan Thanh T phải đóng Hui cho bà N là 155.000.000 đồng. Số tiền nợ hui này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân giữa bà T và ông Đ, từ lúc xác nhận nợ đến nay thì vợ chồng ông Đ và bà T không trả nợ hui cho bà N. Bà N đã nhiều lần yêu cầu nhưng ông Đ và bà T vẫn không thanh toán nợ. Đối với bà Phan Thị Thanh T, ông Trần Văn Đ, được Tòa án triệu tập hợp lệ để giải quyết vụ án nhưng đều vắng mặt không có lý do và không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu thanh toán nợ của bà Nguyễn Thị Tố N, căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự quy định “*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*”. Do đó, việc bà Phan Thị Thanh T, ông Trần Văn Đ còn nợ tiền hui là có xảy ra và mặc nhiên được bà T và ông Đ

thừa nhận. Như đã phân tích nêu trên, có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Tố N buộc bà Phan Thị Thanh T, ông Trần Văn Đ phải liên đới thanh toán khoản tiền nợ hụi là 155.000.000 đồng cho bà Nguyễn Thị Tố N theo quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về hụi.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị Tố N có đơn yêu cầu thi hành án, trường hợp vợ chồng bà Phan Thị Thanh T và ông Trần Văn Đ chậm thanh toán cho bà N số tiền nêu trên thì hàng tháng vợ chồng bà T và ông Đ còn phải liên đới chịu thêm khoản lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm thanh toán tại thời điểm thi hành án.

Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5%: Do chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn nên bà Phan Thị Thanh T và ông Trần Văn Đ phải chịu theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà N được nhận lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã dự nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 468, Điều 471 của Bộ luật dân sự; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về hụi; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Buộc vợ chồng bà Phan Thị Thanh T và ông Trần Văn Đ có trách nhiệm liên đới thanh toán cho bà Nguyễn Thị Tố N số tiền nợ hụi là 155.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi lăm triệu đồng*).

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị Tố N có đơn yêu cầu thi hành án, trường hợp vợ chồng bà Phan Thị Thanh T và ông Trần Văn Đ chậm thanh toán cho bà N số tiền nêu trên thì hàng tháng vợ chồng bà T và ông Đ còn phải chịu thêm khoản lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm thanh toán tại thời điểm thi hành án.

Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5%.

Vợ chồng bà Phan Thị Thanh T và ông Trần Văn Đ phải chịu án phí với số tiền 7.750.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị Tố N không phải chịu án phí dân sự, bà N được nhận lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 3.875.000 đồng theo biên lai thu

tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0016144 ngày 08 tháng 6 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, vắng mặt tính từ ngày nhận bản án hoặc tổng đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Diệu Hiền